

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ C  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2018/HS-ST

Ngày: 31/7/2018

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C**

**-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:**

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phí Thị Hồng Năm**

Các hội thẩm nhân dân: **1/ Ông Phạm Quốc Thân**

**2/ Bà Phạm Thị Tổng**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: **Bà Đoàn Thị Bích**

- Đại diện VKSND Thị xã C tham gia phiên tòa: **Ông Nguyễn Anh Tuấn - KSV**

Ngày 31/7/2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 100/2018/TLST-HS ngày 14/6/2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/QĐXXST- HS ngày 16/7/2018 đối với bị cáo:

**Nguyễn Đăng Hùng A**, sinh năm 1982, tại Thừa Thiên Huế.

HKTT: Khu phố 4, phường B, thị xã C, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Nguyễn Đăng D, sinh năm 1941, con bà: Trương Thị E, sinh năm 1951, có vợ tên Võ Thị Bé F, sinh năm 1990 và 01 con Võ Thị Kim G, sinh năm 2017; Tiền án; Tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/01/2018 cho đến ngày 25/01/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh cho đến nay.

Bị cáo tại ngoại. (có mặt)

- **Người bị hại:** Ông Mai Anh H, sinh năm 1990.(vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 4, phường B, thị xã C, tỉnh Đồng Nai.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Xuân I, sinh năm 1984.(vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp J, xã K, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1976.(có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 4, phường B, thị xã C, tỉnh Đồng Nai.

- **Người làm chứng:**

1. Ông Phan Tấn N, sinh năm 1971.(có mặt)

Địa chỉ: Ấp Thọ O, xã P, Huyện Q, Đồng Nai.

Tạm trú : Khu phố 2, phường R, thị xã C, tỉnh Đồng Nai.

2. Ông Nguyễn Đăng D, sinh năm 1941.(có mặt)

Địa chỉ:Tổ 4, Khu phố 4,phường B, thị xã C, tỉnh Đồng Nai.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 02 giờ 30 phút sáng ngày 19/01/2018, Nguyễn Đăng Hùng A đi bộ từ vừa thu mua phế liệu của chị ruột tên Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1976 và anh rể tên Phan Tấn N, sinh năm 1970, cùng ngụ tại khu phố 2, phường R, thị xã C để về nhà trọ thuộc khu phố 4, phường B. Khi đi ngang qua nhà kho của cửa hàng nông cơ S (gần nơi trọ của A) của anh Mai Anh H, sinh năm 1990 ngụ tại khu phố 4, phường B, thấy không có người trông coi nên A nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. A nhặt một cây sắt dài khoảng 40cm ở gần đó rồi bẻ khóa cửa vào trong thấy có nhiều máy nông cơ cũ nên A đi ra bên xe C thuê taxi biển số 60A-445.96 do tài xế Nguyễn Xuân I, sinh năm 1984 ngụ tại ấp J, xã K, huyện L, tỉnh Đồng Nai chờ hàng, Xuân I đồng ý. Khi đến nơi taxi lùi đuôi xe vào kho, Hùng A lấy 03 bao phụ tùng, 02 máy phát điện bỏ vào cốp xe, rồi lên taxi cùng đi đến vừa thu mua phế liệu của chị M. Trên đường đi Hùng A gọi điện trước cho chị M để mở cửa, khi đến nơi Hùng A xuống bốc các tài sản lấy trộm bỏ vào vừa phế liệu của chị M rồi tiếp tục lên xe taxi quay lại kho của nông cơ S. Lần này, Hùng A tiếp tục lấy một máy dầm bê tông, 06 máy cắt cỏ đã cũ đưa lên xe taxi và nói Xuân I tự chở đến vừa phế liệu của chị M rồi quay về nhà trọ. Hùng A sau đó gọi điện cho chị M nói trả công cho tài xế taxi 600.000đ, Nguyễn Xuân I lái taxi đến thì cùng vợ chồng chị M bốc hàng xuống và nhận tiền công 600.000đ.

Khoảng 04 giờ sáng cùng ngày, A chạy xe máy đến nhà chị M thống nhất số phế liệu mua bán với giá là 3.000.000đ và nhận số tiền 2.400.000đ sau khi trừ đi số tiền 600.000đ trả cho tài xế taxi. Số tiền này A tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 22/01/2018, A đến công an thị xã C đầu thú.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 15/HĐĐGTSTTTHS, ngày 23/01/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã C kết luận:

+ 01 máy dầm bê tông hiệu Honda, màu đen, đã qua sử dụng, có giá trị: 2.000.000đ.

+ 02 máy phát điện hiệu Honda, màu đỏ, đã qua sử dụng, có giá trị 4.000.000đ.

+ 06 máy phát cỏ hiệu Mitsubishi T170, đã qua sử dụng, có giá trị 10.200.000đ.

+ 50 kg sắt phụ tùng của máy phát cỏ, đã qua sử dụng, hư hỏng, có giá trị 350.000đ.

*\* Về vật chứng vụ án:*

Trong vụ án đã thu giữ 06 máy phát cở, 01 máy đầm bê tông, 02 máy phát điện, 03 bao phụ tùng, số tiền 3.600.000đ, 01 đoạn clip trích xuất từ camera an ninh ghi nhận nội dung sự việc trộm cắp.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã C đã tiến hành trả lại 06 máy phát cở, 01 máy đầm bê tông, 02 máy phát điện, 03 bao phụ tùng trên cho anh Mai Anh H.

\* *Về dân sự*: Ông Mai Anh H đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại bản cáo trạng số: 47/CT-VKS-HS ngày 25/5/2018, Viện kiểm sát nhân dân thị xã C đã truy tố bị cáo Nguyễn Đăng Hùng A theo khoản 1 Điều 173 – Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Đăng Hùng A phạm tội: **“Trộm cắp tài sản”** theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Về hình phạt: đề nghị áp dụng khoản 1 điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2, Điều 51, Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo A từ 8 tháng tù đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách theo quy định.

Về biện pháp tư pháp : Đề nghị tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền thu lợi bất chính của bị cáo A là 3.600.000đ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội do mình thực hiện như nội dung bản cáo trạng đã nêu, lời khai nhận tội này phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do cần tiền để tiêu xài cá nhân, khoảng 02 giờ 30 phút, ngày 19/01/2018, lợi dụng nhà kho của cửa hàng Nông cơ S do anh Mai Anh H làm chủ không có người trông coi nên bị cáo Nguyễn Đăng Hùng A đã lén lút dùng cây sắt bẻ khóa vào trong lấy trộm 06 máy phát cở, 01 máy đầm bê tông, 02 máy phát điện, 03 bao phụ tùng, sau đó thuê xe taxi chở qua chợ ve chai của chị ruột bán với giá 3.000.000đ. Tại kết luận định giá số 15/HĐĐGTSTTTHS kết luận tất cả tài sản trên đã qua sử dụng và có tổng giá trị là 16.550.000đ. Do đó, đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Đăng Hùng A phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 như cáo trạng của Viện kiểm sát là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn gây mất trật tự, trị an tại địa

phương. Bị cáo là thanh niên trưởng thành, có sức khỏe, nhưng lười lao động thích hưởng thụ nên đã trộm cắp tài sản của người khác từ đó đưa bị cáo vào con đường phạm tội. Vì vậy cần áp dụng một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội nhằm giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội đồng thời răn đe và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét bị cáo đã thành khẩn khai báo bị cáo đã ra đầu thú và bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản đã thu hồi trả cho người bị hại và bị hại cũng có đơn xin bãi nại và miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên được xem xét giảm nhẹ theo quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51 bộ luật hình sự. Với các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo HĐXX căn cứ theo Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của BLHS quy định về án treo, xét thấy xử phạt bị cáo nhưng cho bị cáo hưởng án treo là phù hợp.

Giao bị cáo A cho Ủy ban nhân dân phường B, Thị xã C, Tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi làm việc thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[4] Đối với hành vi của bà Nguyễn Thị Ngọc M việc thu mua tài sản do bị cáo trộm cắp được bà không biết đó là tài sản trộm cắp và là chỗ chị em ruột nên bà M không nghi ngờ các tài sản trên là do trộm cắp. Do đó, không đủ cơ sở xử lý. Vì vậy đối với số tiền 2.400.000đ bà M trả cho bị cáo A và 600.000đ trả cho tài xế Nguyễn Xuân I cần giao trả lại cho bà M là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Đối với hành vi của ông Nguyễn Xuân I tài xế taxi khi chở tài sản cho bị cáo A ông cũng không biết đó là tài sản trộm cắp nên không có cơ sở xử lý. Đối với 600.000đ ông nhận tiền xe của bị cáo nay ông đề nghị trả lại cho bị cáo và không có yêu cầu gì thêm.

[6] Về trách nhiệm dân sự: ông Mai Anh H đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo A phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[8] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thị xã C phù hợp một phần với nhận định trên nên chấp nhận một phần.

**Vì các lẽ trên.**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Tuyên bố:** bị cáo Nguyễn Đăng Hùng A phạm tội: “Trộm cắp tài sản”

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2, Điều 51, Điều 65  
- Bộ Luật hình sự 2015.

- Căn cứ Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của BLHS quy định về án treo.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTTQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

**\*Xử phạt:** Bị cáo **Nguyễn Đăng Hùng A** 10(mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm 8 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo A cho Ủy ban nhân dân phường B, Thị xã C, Tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi làm việc thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

**\*Về biện pháp tư pháp:** Áp dụng Điều 46 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự :

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc M số tiền 3.000.000đ

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đăng Hùng A số tiền 600.000đ

(Theo giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 13/6/2018 tại Kho bạc nhà nước

C)

**\* Về án phí:** Bị cáo Nguyễn Đăng Hùng A phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt thì quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND Tỉnh;
- Sở tư pháp ĐN;
- VKSND Tỉnh ĐN;
- VKSND TXC;
- CA TXC;
- THA TXC;
- Bị cáo;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**( Đã ký )**

**Phí Thị Hồng Năm**